

Điều 4. Phương thức thu thủy lợi phí, tiền nước:

1. Thủy lợi phí và tiền nước được thu bằng đồng Việt Nam (VNĐ). Các tổ chức, cá nhân dùng nước vào mục đích trồng lúa, trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây vụ đông phải ký hợp đồng tưới, tiêu ngay từ đầu năm hoặc đầu vụ với đơn vị cung cấp nước. Thực hiện nghiệm thu khối lượng tưới, tiêu, thanh lý hợp đồng sau khi kết thúc năm hoặc hết vụ. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn cụ thể nội dung này.

2. Các tổ chức, cá nhân dùng nước từ công trình thủy lợi và khai thác công trình thủy lợi vào mục đích kinh doanh hoặc các mục đích khác phải ký hợp đồng với đơn vị cung cấp nước. Thực hiện nộp đầy đủ tiền nước theo mức quy định tại mục 2, Điều 1, Quyết định này. Kết thúc năm, hết vụ hoặc kết thúc hoạt động dịch vụ phải thực hiện thanh lý hợp đồng.

3. Trường hợp tổ chức cá nhân dùng nước hoặc dịch vụ từ các công trình thủy lợi cố tình không thanh toán, nợ đọng thủy lợi phí và tiền nước thì các đơn vị cung cấp được quyền từ chối cung cấp nước và đề nghị cơ quan chức năng xem xét giải quyết.

Điều 5. Tổ chức thực hiện:

1. Các tổ chức cá nhân sử dụng nước, mặt nước từ các công trình thủy lợi có trách nhiệm: Ký kết, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng sử dụng nước, thu nộp đúng hạn, đầy đủ thủy lợi phí, tiền nước cho đơn vị cung cấp nước. Chấp hành đầy đủ các quy trình, quy phạm, yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo an toàn về sử dụng nước, bảo vệ công trình, nguồn nước, môi trường sinh thái...

2. Các doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi, các tổ chức hợp tác dùng nước có trách nhiệm xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh; báo cáo diện tích được miễn thu thủy lợi phí, xây dựng và báo cáo dự toán hỗ trợ kinh phí miễn thu thủy lợi phí theo quy định; bảo vệ tu bổ sửa chữa công trình, máy, thiết bị cơ điện, bơm nước tưới tiêu phục vụ đầy đủ theo yêu cầu của sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dân sinh kinh tế theo hợp đồng đã ký. Tổ chức thu, quản lý, sử dụng thủy lợi phí, tiền nước theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và quy định tại Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị, các Sở, ngành có liên quan: Với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân sử dụng nước, mặt nước, các doanh nghiệp, các tổ chức hợp tác khai thác công trình thủy lợi thực hiện đầy đủ các nội dung của Quyết định này.

4. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp cùng Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan có liên quan, trình UBND tỉnh quyết định các nội dung sau:

- Hàng năm, tổng hợp giao kế hoạch hoặc ký kết đặt hàng dịch vụ công ích cho các đơn vị quản lý thủy nông hoặc đơn vị có chức năng để thực hiện; căn cứ kết cấu hạ tầng hệ thống công trình thủy lợi và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, để quy định vị trí đầu kênh của tổ chức hợp tác dùng nước và biện pháp tưới tiêu của từng công trình thủy lợi làm căn cứ xác định phạm vi nộp thủy lợi phí theo quy định; hướng dẫn trình tự, thủ tục hồ sơ và thẩm định diện tích đất được miễn thủy lợi phí và tổng hợp để điều chỉnh, bổ sung diện tích được miễn giảm thủy lợi phí (nếu có thay đổi).

- Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cơ quan có liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định hỗ trợ kinh phí cấp bù miễn giảm

thủy lợi phí cho các đơn vị quản lý thủy nông, đồng thời kiểm tra, quyết toán thu, chi thủy lợi phí, tiền nước theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 6. Điều khoản thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị, Công ty TNHH Nhà nước một thành viên khai thác công trình thủy lợi Phú Thọ và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Doãn Khánh (đã ký)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1182/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 13 tháng 5 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thị trấn Sông Thao, huyện Cẩm Khê đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31 tháng 3 năm 2008 của Bộ Xây dựng ban hành quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 65/2006/NĐ-HĐND ngày 17 tháng 5 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị, điểm dân cư nông thôn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 967/TT-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2008 của UBND huyện Cẩm Khê và Tờ trình số 63/SXD-KTQH ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thị trấn Sông Thao, huyện Cẩm Khê đến năm 2020 do Trung tâm Tư vấn kiến trúc quy hoạch xây dựng - Hội Kiến trúc sư tỉnh Phú Thọ lập, được UBND huyện Cẩm Khê và Sở Xây dựng thống nhất trình duyệt với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Sông Thao, huyện Cẩm Khê đến năm 2020.

2. Phạm vi nghiên cứu quy hoạch

Phạm vi nghiên cứu quy hoạch theo địa giới hành chính thị trấn Sông Thao hiện nay:

- Phía Bắc giáp xã Sai Nga.
- Phía Nam giáp xã Phú Khê.
- Phía Đông giáp xã Sông Hồng.

- Phía Tây giáp xã Thanh Nga.

Diện tích nghiên cứu quy hoạch là 474,58ha.

3. Tính chất

Là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật của huyện Cẩm Khê.

Là trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của huyện và thị trấn.

Là điểm giao thương trung chuyển hàng hóa, dịch vụ thương mại của các huyện phía Tây Bắc của tỉnh với thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận; là điểm trung tâm của tuyến du lịch tuyến Việt Trì - Cẩm Khê - Hạ Hòa - Yên Lập.

4. Quy mô dân số, quy mô đất đai

Quy mô dân số: Dự kiến đến năm 2010 dân số khoảng 9.000 người và đến năm 2020 dân số khoảng 15.000 người.

Quy mô đất đai: Bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Sông Thao hiện nay.

5. Nội dung quy hoạch đến năm 2020

5.1. Quy hoạch sử dụng đất và định hướng phát triển không gian.

Quy hoạch sử dụng đất:

T T	Hạng mục	Hiện trạng năm 2008			Quy hoạch năm 2015			Quy hoạch năm 2020		
		Ha	%	m ² /ng ười						
	Đất tự nhiên toàn thị trấn	474,58	100		474,58	100		474,58	100	
I	Đất xây dựng đô thị	139,23	29,33	198,86	255,33	53,80	225,33	288,33	60,75	192,22
A	Đất dân dụng	127,95	26,95	182,71	203,6	42,90	203,60	226,6	47,75	151,06
1	Đất xây dựng nhà ở	54,85	14,55	77,83	82,0	17,28	82,00	92,0	19,39	61,33
2	Đất ở nông thôn + cải tạo xây dựng	52,0	10,96	74,28	62,0	13,06	62,00	65,0	13,70	43,33
3	Đất công trình công cộng làng xóm	1,4	0,29	2,00	7,5	1,58	7,50	7,5	1,58	5,00
4	Đường trong thôn xóm	7,4	1,56	10,57	12,5	2,63	12,50	12,5	2,63	8,33
5	Đất công trình công cộng đô thị	2,8	0,59	4,00	7,5	1,58	7,50	7,5	1,58	5,00
6	Đất cây xanh, TDTT công viên - dịch vụ du lịch	0,5	0,1	0,71	10,0	2,10	10,00	16,0	3,71	10,66
7	Đất giao thông đô thị	3,8	0,8	5,43	15,0	3,16	15,00	18,0	3,79	12,00